

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày 24/7/2024

V/v “*Tranh chấp Ly hôn, con
chung*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Ông Nguyễn Văn Bào

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Chi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Dương Thị T** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2024/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2024 giữa các đương sự;

-Nguyên đơn: **Anh Đào Bá T1**, sinh năm 2000 (có mặt)

-Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Đều trú tại: **thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn anh Đào Bá Tú trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị **Nguyễn Thị H** vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang**. Anh chị kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay và ở cùng gia đình. Trong quá trình chung sống thì cuộc sống vợ chồng sống bình thường, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không hợp nhau, khi chị **H** có thai được 4 tháng thì chị **H** xin phép về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay, và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin ly hôn chị **Nguyễn Thị H**.

- Về con chung: Anh xác định có 01 con chung là cháu **Đào An N**, sinh ngày 23/10/2022, hiện nay con chung đang ở với chị **H** từ nhỏ, sức khỏe con chung phát triển tốt, khi ly hôn thì anh đồng ý để chị **H** tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh

tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện nay anh đang làm nghề tự do, thu nhập trung bình khoảng 7 triệu đồng/ 1 tháng.

- Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Tú xác định không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa anh T1 có mặt.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không lên Tòa án làm việc và từ bỏ quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H vắng mặt

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Bá Tú được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: giao cháu Đào An N, sinh ngày 23/10/2022 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đào Bá T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về công nợ, tài sản chung: Anh Tú không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Tú phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Tú được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003927 ngày 13/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Anh Tú còn phải nộp tiếp số tiền án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 13 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của anh Đào Bá Tú xin ly hôn chị Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại địa bàn huyện H là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Chị **Nguyễn Thị H** vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị **H** là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: **Anh Đào Bá T1** và chị **Nguyễn Thị H** xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã M, huyện H** ngày 25/3/2022, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Qua xác minh tại địa phương và căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử, xét thấy anh **T1** và chị **H** sau khi về chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn cho đến nay, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng dần nứt. Khi xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên và vợ chồng tự hòa giải nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay, hai bên không còn liên lạc với nhau. Nay anh **T1** xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn chị **H**. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay chị **H** vẫn ở địa phương, đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không lên làm việc và không có ý kiến về việc anh **T1** xin ly hôn. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung của anh **T1** và chị **H** không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh **T1** là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: **Anh Đào Bá T1** và chị **Nguyễn Thị H** có 01 con chung là cháu **Đào An N**, sinh ngày 23/10/2022, hiện nay chị **H** đang nuôi dưỡng, sức khỏe phát triển tốt. Khi ly hôn anh **T1** đồng ý để chị **Nguyễn Thị H** tiếp tục nuôi dưỡng. **Anh Đào Bá Tú** tự nguyện vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **H** mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung và hiện con chung dưới 7 tuổi nên cần giao con chung cho chị **H** tiếp tục nuôi dưỡng, anh **T1** có nghĩa vụ cấp dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh **Tú** không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh **Tú** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Anh **Tú** được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003927 ngày 13/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Anh **Tú** còn phải nộp tiếp số tiền án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 56; Điều 57; Điều 81; khoản 2 - Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5; khoản 6 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Bá Tú được ly hôn chị Nguyễn Thị H.
2. Về con chung: giao cháu Đào An N, sinh ngày 23/10/2022 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đào Bá T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Đào Bá Tú không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Anh Tú phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Tú được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003927 ngày 13/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh T1 đã nộp đủ án phí ly hôn. Anh Tú còn phải nộp tiếp số tiền án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo:

-Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

-Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Mai Đình, Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Sự

